

QUY CHẾ

Thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp Lái xe ô tô hạng B, C

(Ban hành theo Quyết định số 89 /QĐ-TTĐTLX ngày 24 tháng 07 năm 2023 của
Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lái xe)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, hình thức, quy trình kiểm tra kết thúc môn học/mô – đụn, thi kiểm tra kết thúc khóa học/mô – đụn, cách tính điểm tổng kết môn học, khóa học. Xét công nhận tốt nghiệp đối với học viên học Lái xe ô tô hạng B, C. Tại Trung tâm Đào tạo Lái xe trực thuộc Trường Cao đẳng Đà Lạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với học viên theo học Lái xe ô tô hạng B, C tại Trung tâm Đào tạo Lái xe Trường Cao đẳng Đà Lạt và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

CHƯƠNG II

QUY TRÌNH THI, KIỂM TRA, XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 3. Kiểm tra kết thúc môn học/mô – đụn

1. Thẻ lệ kiểm tra kết thúc môn học/mô - đụn

a) Điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đụn

Người học được dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đụn khi có đủ điều kiện sau:

- Tham gia lớp học đầy đủ, hoàn thành các bài học theo chương trình đào tạo quy định hiện hành.

- Trường hợp người học bị ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ kiểm tra kết thúc môn học/mô - đụn, phải có đơn xin phép. Nhưng phải đảm bảo tham dự lớp học đủ thời gian theo quy định.

b) Hình thức, thời gian kiểm tra

- Hình thức kiểm tra kết thúc môn học/mô - đụn theo hình thức trắc nghiệm trên giấy hoặc trên phần mềm máy tính (đối với lý thuyết). Thực hành kỹ năng nghề trên xe ô tô đối với môn học thực hành kỹ năng nghề.

- Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môn học/mô – đụn, nếu hình thức trắc nghiệm trên giấy do giáo viên giảng dạy bộ môn quy định. Trên phần mềm máy tính theo thời gian phần mềm cung cấp. Thực hành kỹ năng nghề theo quy định của Bộ giao thông Vận tải quy định hiện hành.

c) Ra đề kiểm tra và chấm điểm

- Giám đốc tổ chức xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun. Đề kiểm tra phải phù hợp với nội dung môn học/mô - đun đã được quy định trong chương trình và Giám đốc phê duyệt đề trước khi sử dụng.

- Cách chấm và tính điểm kiểm tra

+ Mỗi bài kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun phải do 2 giáo viên chấm điểm và phải ký tên vào bài kiểm tra, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp điểm.

+ Điểm kiểm tra là điểm trung bình cộng của các giáo viên chấm. Trường hợp điểm của các giáo viên chấm đối với một bài kiểm tra có sự chênh lệch trên 1,0 điểm (theo thang điểm 10) thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm lại.

Đối với người học không đủ điều kiện dự kiểm tra hoặc vắng mặt buổi kiểm tra không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 cho lần kiểm tra đó. Trường hợp có lý do chính đáng thì chưa tính điểm kiểm tra.

d) Kết quả kiểm tra kết thúc môn học/mô – đun, học và kiểm tra lại

- Người học đủ điều kiện dự kiểm tra sau mỗi lần học, được dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun nhưng không quá 02 lần kiểm tra. Cụ thể:

+ Học viên được dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học/mô - đun chưa đạt yêu cầu thì phải dự kiểm tra thêm một lần 2.

+ Học viên vắng mặt không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự kiểm tra đó nhưng điểm số là 0, trường hợp có lý do chính đáng thì chưa tính số lần dự kiểm tra và được bố trí dự kiểm tra.

- Học và kiểm tra lại:

Học viên phải học và kiểm tra lại môn học/mô - đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không đủ điều kiện dự kiểm tra lần đầu.

+ Đã hết số lần (02 lần) dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun, nhưng điểm môn học/mô - đun chưa đạt yêu cầu.

- Học viên thuộc diện phải học và kiểm tra lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học/mô - đun lần học trước và phải bảo đảm các điều kiện dự kiểm tra được quy định nêu trên mới được dự kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun.

2. Cách thức tổ chức kiểm tra kết thúc môn học/mô - đun

a) Phòng Nghiệp vụ, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn có trách nhiệm phổ biến quy chế kiểm tra đối với học viên tham dự kỳ kiểm tra. Thông báo cho học viên lịch kiểm tra.

d) Danh sách học viên đủ điều kiện dự kiểm tra, không đủ điều kiện dự kiểm tra phải được công bố công khai trước ngày kiểm tra môn học/mô – đun.

Điều 4. Kiểm tra hoặc thi kết thúc khóa học

1. Giám đốc có trách nhiệm quy định việc ra đề thi kết thúc khóa học. Quy định thể lệ thi (thời gian, hình thức thi, thang điểm và cách tính điểm thi...). Thành lập Hội đồng thi kết thúc khóa học, chỉ đạo, tổ chức kỳ thi kết thúc khóa học công khai, công bằng, đảm bảo chất lượng, đánh giá đúng kết quả học tập và rèn luyện của người học.

2. Điều kiện để người học được dự kiểm tra, thi kết thúc khóa học

a) Hoàn thành khóa đào tạo

- Hồ sơ, sức khỏe hợp lệ.
- Đủ điểm các môn học lý thuyết và thực hành theo quy định.
- Đóng đủ học phí theo quy định.
- Không trong thời gian đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm tổ chức thi kết thúc khóa học.

b) Được Hội đồng Kiểm tra kết thúc khóa học xét đủ điều kiện dự kiểm tra.

3. Thi kiểm tra kết thúc khóa học gồm:

a) Thi lý thuyết

Thi theo hình thức trắc nghiệm, được thực hiện trên máy tính có cài đặt phần mềm chuyên dùng theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

+) Bài thi lý thuyết lái xe ô tô hạng B1 gồm 30 câu hỏi, trả lời đúng 27 câu hỏi trở lên là đạt; hạng B2 gồm 35 câu hỏi, trả lời đúng 32 câu hỏi trở lên là đạt; hạng C gồm 40 câu hỏi, trả lời đúng 36 câu hỏi trở lên là đạt; cách tính điểm quy định như sau:

- Hạng B1, B2:

TT	Số câu trả lời đúng		Điểm
	B1	B2	
1	30	35	10
2	29	34	8,5
3	28	33	7
4	27	32	5,5
5	Dưới 27	Dưới 32	Không đạt

- Hạng C:

TT	Số câu trả lời đúng	Điểm
	Hạng C	
1	40	10
2	39	9
3	38	8
4	37	7
5	36	6
6	Dưới 36	Không đạt

+) Bài thi lái xe bằng phần mềm mô phỏng: lái xe ô tô hạng B1, B2, C thực hiện bài thi gồm 10 câu hỏi/05 phút, số điểm 35/50 là đạt.

b) Thi thực hành

Bài thi thực hành bao gồm: bài thi thực hành lái xe trong hình liên hoàn, bài thi thực hành lái xe chữ chi và bài thi thực hành lái xe trên đường.

+ Bài thi thực hành lái xe trong hình liên hoàn tính theo thang điểm 100; 80 điểm trở lên là đạt. (13 bài thực hành lái xe trong hình trên sân tập lái do 02 giám khảo ngồi trên xe chấm - không có thiết bị chấm điểm tự động).

+ Bài thi thực hành lái xe trên đường tính theo thang điểm 100; 80 điểm trở lên là đạt.

+ Bài thi thực hành lái xe trong hình chữ chi tính theo thang điểm 10; 5 điểm trở lên là đạt.

Điểm của các bài thi thực hành lái xe được quy đổi theo thang điểm 10.

Cách quy đổi như sau:

Đối với bài thi có thang điểm 100:

TT	Điểm đạt được (thang điểm 100)	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
1	100	10
2	95	9
3	90	8
4	85	7
5	80	6
6	Dưới 80	Không đạt

Các điểm lẻ theo thang điểm 100, mỗi điểm được tính bằng 0,2 điểm theo thang điểm 10 (ví dụ: 81 điểm được quy đổi thành 6,2 điểm; 82 điểm được quy đổi thành 6,4 điểm...).

Đối với bài thi có thang điểm 20:

TT	Điểm đạt được (thang điểm 20)	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
1	20	10
2	19	9
3	18	8
4	17	7
5	16	6
6	15	5
7	Dưới 15	Không đạt

Điểm thi kiểm tra kết thúc khóa học là trung bình cộng của điểm thi lý thuyết và các điểm thi thực hành.

$$\mathring{D}_T = \frac{\mathring{D}_{LT} + \mathring{D}_{TH1} + \mathring{D}_{TH2} + \mathring{D}_{TH3} + \mathring{D}_{TH4}}{5}$$

Trong đó:

- \mathring{D}_T : Điểm thi kết thúc khóa học

- \mathring{D}_{LT} : Điểm thi lý thuyết

- D_{TH1} : Điểm thi lái xe bằng phần mềm mô phỏng
- D_{TH2} : Điểm thi thực hành lái xe trong hình liên hoàn
- D_{TH3} : Điểm thi thực hành lái xe trong hình chữ chi
- D_{TH4} : Điểm thi thực hành lái xe trên đường

5. Công nhận kết quả thi kết thúc khóa học

a) Thí sinh đạt nội dung thi lý thuyết, thi lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, thi thực hành lái xe trong hình, chữ chi và trên đường trường thì được công nhận đạt kỳ thi kết thúc khóa học.

c) Thí sinh chưa đạt kỳ thi kết thúc khóa học được đăng ký thi lại trong kỳ thi tiếp theo. Chỉ đăng ký thi lại những nội dung chưa đạt yêu cầu.

d) Thí sinh đạt nội dung thi lý thuyết, phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông, chữ chi, thực hành lái xe trong hình được bảo lưu kết quả nội dung thi đạt trong thời gian 01 năm, kể từ ngày có nội dung thi đạt tại kỳ thi gần nhất.

e) Thí sinh nếu muốn dự thi phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Hội đồng thi kỳ trước. Đóng lệ phí thi lại theo quy định.

f) Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng thi lý thuyết, trên xe sát hạch hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả thi sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả thi kết thúc khóa học.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng thi kiểm tra kết thúc khóa học

- a) Hội đồng thi kiểm tra kết thúc khóa học do Giám đốc Trung tâm thành lập.
- b) Thông qua danh sách học viên được dự thi kết thúc khóa học và thông báo công khai trước kỳ thi.
- c) Xây dựng đề, đáp án và quy trình chấm bài thi.
- d) Tổ chức thi kiểm tra kết thúc khóa học, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi và công nhận tốt nghiệp.
- e) Tổ chức chấm bài thi.
- f) Đề xuất việc xếp loại tốt nghiệp cho học viên sau khi kết thúc khóa học.

Điều 5. Công nhận tốt nghiệp

1. Cách tính điểm tổng kết khóa học

Điểm tổng kết khóa học của người học được tính theo công thức sau:

$$D_{TKKH} = \frac{\sum_{i=1}^n D_{iTKM}}{N}$$

Trong đó:

- D_{TKKH} : Điểm tổng kết khóa học
- D_{iTKM} : Điểm tổng kết môn học/mô - đun thứ i
- D_T : Điểm thi kết thúc khóa học
- n: Số lượng các môn học/mô - đun đào tạo

2. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

a) Người học được công nhận tốt nghiệp khi có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

b) Không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp.

Trường hợp người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được Giám đốc tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

3. Xếp loại tốt nghiệp

a) Việc xếp loại tốt nghiệp cho học viên được căn cứ vào điểm tổng kết khóa học.

b) Các mức xếp loại tốt nghiệp được quy định như sau:

- Loại xuất sắc có điểm tổng kết khóa học từ 9,0 đến 10;
- Loại giỏi có tổng kết khóa học từ 8,0 đến dưới 9,0;
- Loại khá có điểm tổng kết khóa học từ 7,0 đến dưới 8,0;
- Loại trung bình khá có điểm tổng kết khóa học từ 6,0 đến dưới 7,0;
- Loại trung bình có điểm tổng kết khóa học từ 5,0 đến dưới 6,0.

c) Các mức xếp loại tốt nghiệp xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá của học viên sẽ bị giảm đi một mức nếu học viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học hoặc có một môn học/mô - đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môn học/mô - đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

d) Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào chứng chỉ sơ cấp, hoặc chứng chỉ Đào tạo và bảng tổng hợp kết quả học tập của học viên.

4. Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp

a) Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp do Giám đốc Trung tâm thành lập. Hội đồng có 03 (ba) hoặc 05 (năm) thành viên, do Giám đốc Trung tâm làm chủ tịch, trưởng bộ phận hoặc cán bộ phụ trách đào tạo làm thư ký. trưởng các đơn vị hoặc cán bộ phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Trung tâm và giáo viên chủ nhiệm lớp làm thành viên.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp:

- Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét tốt nghiệp, người học chưa đủ điều kiện tốt nghiệp.
- Xếp loại tốt nghiệp cụ thể đối với người học đủ điều kiện xét tốt nghiệp.
- Hội đồng hoàn thành việc xét tốt nghiệp và có văn bản đề nghị Giám đốc Trung tâm việc công nhận tốt nghiệp đối với người học.

5. Công nhận tốt nghiệp

a) Sau khi có văn bản đề nghị công nhận tốt nghiệp đối với người học của Hội đồng, người đứng đầu cơ sở đào tạo xem xét ra quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố công khai tới người học và trong cơ sở đào tạo.

b) Trung tâm Đào tạo Lái xe có trách nhiệm báo cáo Trường Cao đẳng Đà Lạt, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Lâm Đồng về kết quả công nhận tốt nghiệp theo quy định.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng trong công tác thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp trong Đào tạo Lái xe ô tô các hạng B, C tại Trung tâm Đào tạo Lái xe Trường Cao đẳng Đà Lạt. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quy chế, quy định ban hành trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế về nhiệm vụ và công tác quản lý mà Quy chế này sẽ kịp thời được sửa đổi, bổ sung, chỉnh lý cho phù hợp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Ban Giám đốc, Trưởng Phòng Nghiệp vụ, Trưởng Phòng TC-TV, Hội đồng thi, kiểm tra xét tốt nghiệp Trung tâm, Tổ giáo viên, Giáo viên, Nhân viên, Người lao động. Học viên học Lái xe ô tô hạng B, C thuộc Trung Tâm Đào tạo Lái xe có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, theo chức năng nhiệm vụ được phân công.